

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC SƠN
TỈNH HOÀ BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 5 - 2024

V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN - TỈNH HOÀ BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Ôn; Ông Bùi Văn Thiệu.

- **Thư ký ghi phiên toà:** Ông Nguyễn Đức Phương - Thư ký toà án nhân dân huyện Lạc Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXX-ST ngày 16 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị N, sinh năm 1990. Địa chỉ: xóm Đ, xã L, huyện Y, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt theo đơn xin xét xử vắng mặt ngày 15/5/2023.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1986. Địa chỉ: xóm H, xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Dương Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị N và anh Bùi Văn T kết hôn năm 2021 trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình và tổ chức kết hôn theo phong tục tập quán địa phương. Trong quá trình chung sống sau khi kết hôn đã không có hạnh phúc. Nguyên nhân là hai vợ chồng không có tiếng nói chung,

hai bên bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung đột. Hai vợ chồng ly thân từ 2 năm nay. Hiện nay, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị N và anh T không có con chung.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị N không có yêu cầu gì thêm.

Về phía anh Bùi Văn T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có kết quả, anh T vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi cho Tòa án

** Tại các biên bản xác minh ngày ngày 01/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn chính quyền địa phương nơi cư trú của anh Bùi Văn T có nội dung:*

Anh Bùi Văn T và chị Dương Thị N kết hôn năm 2021 trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, ngay sau đó hai vợ chồng không chung sống với nhau nữa, khoảng 2 năm nay chị N đã về nhà bố mẹ đẻ tại huyện Y sinh sống. Do đó, khả năng đoàn tụ của anh T và chị N là rất khó.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh T và chị N không có con chung.

- Về sự có mặt của anh T tại địa phương: sau khi chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống thì anh T cũng thường xuyên đi làm ăn xa, thi thoảng có về thăm gia đình. Qua ban đại diện xóm và bố đẻ thì anh T biết việc chị N xin ly hôn và Tòa án gửi các văn bản cho anh T thông qua bố đẻ nhưng anh T cố tình vắng mặt, không hợp tác để giải quyết vụ án.

**Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình công nhận việc chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX và các đương sự từ khi thụ lý đến trước khi HĐXX nghị án.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Xác định mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

- Về con chung: không có.

- Về tài sản chung; Về công nợ chung: Đề nghị không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa HĐXX nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn là anh Bùi Văn T có hộ khẩu thường trú tại xóm H, xã Y, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thông báo và tổng đạt đầy đủ các văn bản cho các bên đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 175 và khoản 1, 2 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 211 BLTTDS. Tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 BLTTDS để hai bên thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án. Anh T và chị N đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa, đã được đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; Tại phiên tòa lần thứ nhất, bị đơn anh Bùi Văn T vắng mặt nên HĐXX phải hoãn phiên tòa. Anh Bùi Văn T đã được triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị N.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị N và anh T không có hạnh phúc do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hai bên không có tiếng nói chung, vì thế cuộc sống gia đình thường xuyên bất hòa. Hai bên đã ly thân ngay sau khi kết hôn đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Từ những nhận định trên thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung*: Quá trình chung sống, anh T và chị N không có con chung nên HĐXX không đề cập xem xét.

[5] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết; công nợ chung: không có nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về Trường kháng cáo: Các đương sự có Trường kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về hôn nhân: Chị Dương Thị N được ly hôn với anh Bùi Văn T.

2. Về án phí: Chị Dương Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002114 ngày 17/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn. Chị Dương Thị N đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có Trường thỏa thuận thì hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc ngày niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- CCTHA huyện Lạc Sơn;
- UBND xã Yên Nghiệp (Theo đăng ký kết hôn số 06 ngày 19/01/2021);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Hoa

